

## VÀI ĐIỀU MUỐN THAM VẤN CÁC CHUYÊN GIA TU BỔ DI TÍCH KIẾN TRÚC

KT&S. HÀ VĂN THỌ

Lâu nay, có nhiều cuộc hội thảo khoa học, nhiều cuộc tọa đàm trên tivi của các nhà chuyên môn đầu ngành về công tác tu bổ di tích. Tuy nhiên, những vấn đề bàn thảo thường có tính khái quát, trong khi đó, những người trực tiếp làm công tác tu bổ kiến trúc lại rất cần những giải đáp cụ thể. Thí dụ: 5 vấn đề được chúng tôi nêu ra sau đây:

### 1. Nối chắp hay hạ giải, thay thế?

Trong những năm 70 - 80 của thế kỷ trước, chúng tôi đã làm tu bổ di tích theo bài bản: "... Phải hạn chế tới mức tối đa việc tháo dỡ (hạ giải) và thay thế". Cụ thể như sau:

a)- Do sụt lún hoặc hỏng móng, công trình bị xiêu vẹo, chân cột trượt ra khỏi vị trí ban đầu của nó. Bằng phương pháp thủ công (có thể có sự trợ lực của một vài thiết bị đơn giản, như tời, kích...) bần, bẫy để nâng thẳng lại khung nhà, đưa nó về vị trí nguyên thủy, đồng thời kết hợp gia cố nền móng bằng gạch, đá, beton...

b)- Bảo tồn các cấu kiện, đặc biệt là các hình trang trí. Trong kiến trúc cổ Việt Nam, mà chủ yếu làm bằng gỗ - mảng trang trí luôn gắn với nhiều cấu kiện (như các hình chạm trên xà bẩy...). Khi một cấu kiện bị hỏng, phải có biện pháp gia cố, khôi phục và bảo vệ nó. Thí dụ:

- Hỏng móng: thay thế móng hỏng bằng móng mới. Móng mới này gắn với thân xà bằng các liên kết "chốt móng" (gọi là phương pháp nối khan).

- Trường hợp cấu kiện bị hỏng, nhưng các hình chạm trang trí vẫn còn thì chỉ thay thế phần lõi chịu lực, còn phần vỏ có trang trí được bóc ra để ốp vào lõi mới...

- Với các mảng trang trí bị mòn hoặc mất, được khôi phục trên cơ sở những phần còn lại (vì gỗ làm

di tích thuộc loại rất tốt, nên ít khi bị phá hủy toàn bộ). Việc ghép chắp các mảng hình trang trí thường sử dụng chất liệu gắn kết cổ truyền là sơn ta.

- Cần lưu ý thêm: trong việc nối ghép các bộ phận chịu lực hoặc thuần túy trang trí, tránh không sử dụng các đinh, chốt bằng kim loại.

- Một nguyên tắc nữa trong bảo tồn di tích là, chỉ thay thế và vá chắp bằng các chất liệu tương tự gốc, kỵ thay đổi những đặc điểm cấu tạo của công trình, đảm bảo khả năng tháo lắp vốn có của nó...

(Trích Báo cáo khoa học của Đoàn Việt Nam tại Hội nghị nhóm công tác các nước xã hội chủ nghĩa tại Mát-Xcơ-va - 1988).

Những nguyên tắc trên đây được thể nghiệm rất tốt trong tu bổ chùa Tây Phương (1993) và đặc biệt, được Đoàn Phục chế di tích Việt Nam giúp Cộng hòa nhân dân Mông Cổ tu bổ di tích tu viện Amarbayasgalant (1984 - 1986). Tu viện này có quy mô rất lớn, được xây dựng vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII, bởi hoàng đế Khang Hy và được các nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật Mông Cổ đánh giá là "tiêu biểu cho truyền thống Trung Hoa trong nền kiến trúc Mông Cổ".

(Nguồn: "Thông báo kết quả tu bổ di tích" - Niên giám số 1 - 1986, Trung tâm Bảo quản, tu bổ di tích Trung ương, Bộ Văn hóa).

Tuy nhiên, khoảng 15 năm trở lại đây, các giải pháp trên ít được chú ý, người ta thiên về hạ giải toàn bộ, nặng về thay thế hơn vá chắp. Có lẽ, lý do chính là bởi áp lực kinh tế, buộc các nhà thầu tránh các giải pháp tỉ mỉ, khó làm, tốn thời gian mà lại "không tốn" vật liệu?

Phải chăng các quy chuẩn tạm thời là "kinh điển" trên đây đã lỗi thời?



### 2- Thiết kế hay vẽ ghi?

Hiện nay, công tác tu bổ di tích cũng tuân theo quy trình lập dự án, thiết kế, thi công... như trong xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, trong thực tế, các thiết kế chỉ là những vẽ ghi sơ lược. Các kiến trúc sư chỉ khảo sát sơ bộ, đánh dấu (bằng màu chẳng hạn), với ghi chú "cấu kiện... hư hỏng cần thay". Những bản "thiết kế" kiểu này chỉ có giá trị làm hồ sơ xin đầu tư. Mọi vấn đề kỹ thuật phải chờ sau khi hạ giải mới quyết định được. Thật là quá dễ dãi. Đó chính là hệ quả của giải pháp tháo dỡ toàn bộ. Nên chăng cần đề ra quy phạm chặt chẽ cho thiết kế tu bổ di tích?

### 3- Phục hồi hay phòng dựng?

Nước ta có hàng ngàn di tích được xếp hạng, trong đó một số còn gần nguyên vẹn, số khác bị mất từng phần hoặc hỏng nát toàn bộ (phế tích). Riêng các di tích cách mạng - kháng chiến thì hầu như không còn gì, bởi chúng đều là công trình bằng tre nứa, không có sơ đồ thiết kế. Với các di tích loại này, không thể áp dụng các nguyên tắc khoa học của phục hồi di tích được.

Ở một số địa điểm, như ATK Định Hóa (Thái Nguyên) thì có một số ảnh chụp, dù là cảnh sinh hoạt, song cũng dễ nhận ra hình ảnh thấp thoáng của nhà cửa, lán trại, đó là những tư liệu quý giá. Song, ở những nơi khác, thông thường hay phải dựa hoàn toàn vào lời kể của các nhân chứng,

những người sau mấy chục năm nhớ lại để làm cơ sở phục hồi. Thực ra, đây chỉ là việc làm bắt buộc dĩ, nhiều khi cố chấp, bởi vì dù có sưu tầm được lời kể của đến 1.000 nhân chứng thì cũng chỉ có giá trị tham khảo. Vì vậy, theo chúng tôi, phải chấp nhận một vài nguyên tắc có tính ước lệ, có dựa vào tư liệu lịch sử (địa điểm, sự kiện lịch sử), văn học, nghệ thuật... liên quan đến sự kiện, đến thời đại để làm toát lên cái tinh thần chung.

Thí dụ: Trong một dự án phục hồi, tôn tạo một di tích ATK nọ, trong đó có làm lán ở và làm việc của Bác trong thời kỳ 1947 - 1951. Điều trước tiên, khi khảo sát thực địa, chúng tôi cảm nhận sâu sắc vị trí của nó (lán) thể hiện rất rõ nét quan niệm của Bác về chọn đất làm nhà ở chiến khu Việt Bắc thời kháng chiến chống Pháp:

*Trên có núi, dưới có sông*

*Có đất ta trồng, có bãi ta chơi*

*Tiền đường sang Bộ tổng*

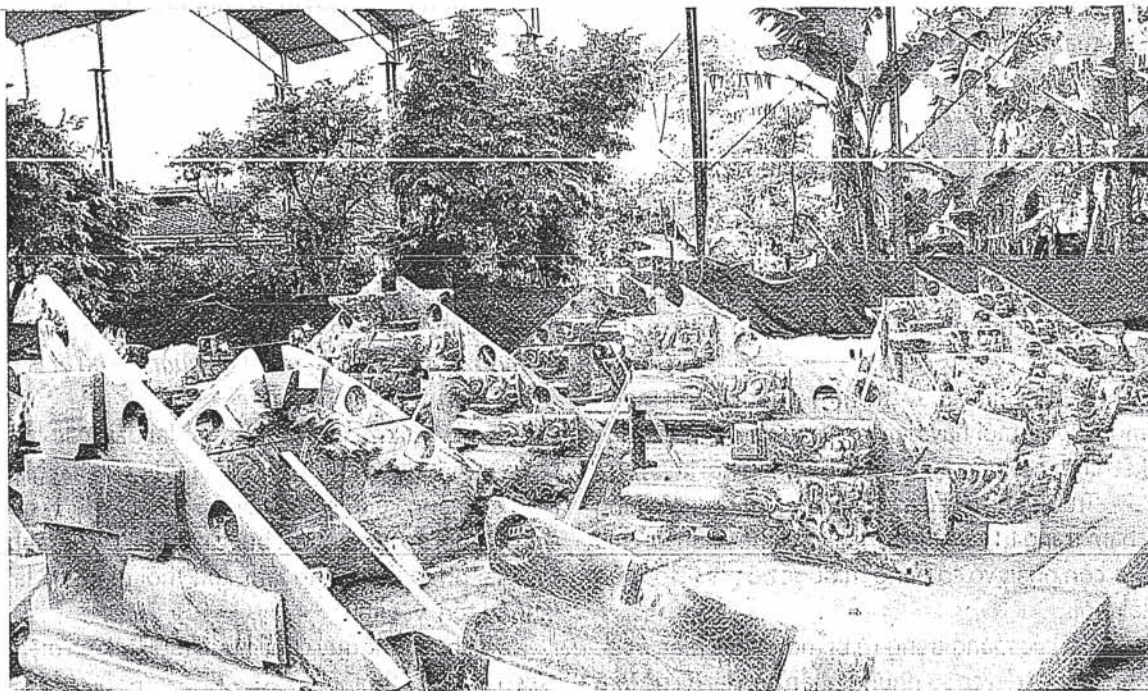
*Thuận lối tới Trung ương*

*Nhà thoáng ráo kín mái*

*Gần dân không gần đường.*

Cách chọn đất này mang tính hợp lý khoa học mà lại rất "thơ" như tâm hồn của Người. Song, đáng tiếc chúng tôi không thể nào tìm được một bức ảnh nào chụp ATK này.

Được biết, các nhà của Bác ở chiến khu Việt Bắc đều là nhà sàn, lợp tranh hoặc lá cọ, che chắn bằng



Hạ giải vì nóc đến Trần Khát Chân (Thanh Hóa) - Ảnh: Nguyễn Thức



phên nứa đan nóng đôi, cửa lật và chỉ có hai gian (ngay cả nhà sàn của Bác sau này ở Hà Nội cũng chỉ có hai gian). Hầu như thời gian ở các ATK từ 1947 đến 1954, Bác không ở nhà trệt (theo *Báo Lao động*).

Một loạt thơ văn, hồi ký, ảnh chụp... về Bác thời kỳ đó đều minh họa cho luận điểm trên, thí dụ:

*"Bác kêu con đến bên bàn  
Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ  
Con bồ câu trắng ngây thơ  
Nó đi tìm thóc quanh bồ công vẩn"...*

(Thơ Tố Hữu).

Chỉ vài nét chấm phá đã cho ta tưởng tượng rõ nét nội, ngoại thất nơi ở và làm việc của Người, rất phù hợp với lời kể của họa sỹ Phan Kế An dưới đây:

"... Lán này làm bằng tranh tre, nứa lá nhưng cao hơn mặt đất chừng non hơn 1m, các cột tre chống đỡ, một cầu thang tre dăm bậc dẫn lên. Lán có một gian chính, rộng chỉ vừa hai chiều cá nhân và một ngách có một bàn ghế tre, trên có chiếc máy chữ nhỏ, một chồng giấy, một chiếc quạt nan, một hộp thuốc Caraven A. Trên cột treo một phích nước, một khăn mặt vắt trên giây, dưới sàn một sọt đựng giấy bằng nứa, trên cao một giá dài bằng nứa cả cây để vài bộ quần áo xếp gọn ghẽ và ít sách, giấy má. Chỗ ở của Bác chỉ có vậy".

(Theo Phan Kế An, *"Tôi vẽ chân dung Bác Hồ ở Việt Bắc"* - Tạp chí Xưa và Nay, tháng 6 năm 1999).

Hoặc:

"Sáng sớm 4 tháng 9 (1947), có người liên lạc dẫn tôi vào gặp Bác..., mấy phút sau thấy dưới những cây lim rất lớn, một chiếc nhà sàn khá to, rèm bức chống, bức sập, phên tấm rách, tấm lành.

Theo sự chỉ dẫn của anh liên lạc, tôi tới chân cầu thang có sẵn lu nước, múc xối rửa chân rồi leo thang lên sàn..."

(Theo Phan Khắc Hòe, *"Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc"*)...

Và, phương án được chọn là nhà sàn. Tuy nhiên, chỉ vì ý kiến của một nhân chứng nào đó cho rằng, Bác ở nhà trệt, vậy là toàn bộ mọi ý đồ, mặc dù đã được duyệt bị bác bỏ.

Vậy nhà sàn hay nhà trệt? Cả hai đều không có cơ sở chắc chắn để khẳng định, mà chỉ là "phỏng", mà nếu đã là phỏng dựng thì để nhà sàn có phải hợp lý hơn không?

#### 4- Tĩnh hay động?

Khi tham quan một số di tích cách mạng - kháng chiến đã được phỏng dựng, ta luôn có cảm giác, đó là những ngôi nhà (hoặc căn hầm) chưa hề có

người ở. Lên đồi A1 (Điện Biên Phủ) xem hệ thống giao thông hào của quân Pháp vuông thành, sắc cạnh, hầu như được công binh xây dựng theo sơ đồ của Bộ Tham mưu chứ nơi đây chưa hề xảy ra chiến sự. Tạm coi đó (nhà, hầm, hào...) là những công trình tĩnh.

Thế nhưng, cũng chính trên trên đồi A1, lại có hố bộc phá ngàn cân phục chế lại thì đó lại là một hình ảnh động.

Theo chúng tôi, tất cả các di tích cách mạng - kháng chiến phải phản ánh được sự kiện lịch sử đã xảy ra, nó phải là hình ảnh động. Nhà cửa phải có sắp xếp nội thất, hầm, hào phải có chỗ lún sụt, bồi đắp... Phỏng dựng cho phép chúng ta dùng bàn tay nghệ thuật để thể hiện.

Tại sao không? Phải chăng làm như vậy, sẽ bị đánh giá là thiếu cơ sở khoa học.

#### 5- Thế nào là tôn tạo?

Thuật ngữ "tôn tạo di tích", có lẽ mới xuất hiện ở nước ta vào cuối những năm 70 của thế kỷ trước, thế mà ngày nay đã phổ cập tràn lan, giống như từ "OK" du nhập từ người Mỹ hiện thời vậy.

Nhưng thế nào là tôn tạo?

- Nếu di tích là hình ảnh một bà lão hồi thế kỷ XIX chẳng hạn, ngồi trên ghế tràng kỷ thì nền nhà phải lát gạch bát, gạch chỉ hoặc thậm chí là đất nện, chứ không thể là "gạch bông Bách Khoa".

- Một khu vườn trong một di tích cổ thuần Việt, không thể đặt tràn lan các đèn đá kiểu Nhật Bản, mặc dù nó rất đẹp.

- Một ngôi chùa mới được tu bổ, sân nền cày hết gạch cũ đi, thay vào đó là gạch Giếng Đáy cùng kích thước, vuông thành, sắc cạnh và bóng lộn, có phải là tôn tạo?

Công tác phục hồi hoặc tu bổ đối với di tích là phải trung thành với bản gốc (với sự thật lịch sử). Ở đây không được phép có yếu tố tôn tạo.

Vậy tôn tạo chỉ có thể được thực hiện ở khu vực bảo vệ I, là nơi người ta cố gắng bảo tồn hoặc tái tạo môi trường xưa cũ của di tích, tạm coi nó như là chiều thứ tư (thời gian) của không gian mà di tích tồn tại.

Không hiểu điều đó có đúng không?

Trên đây là 5 câu hỏi luôn làm tôi phân vân suy nghĩ mà chưa có lời giải đáp trọn vẹn. Rất mong các chuyên gia về tu bổ di tích chỉ giáo.